

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ - ST

Ngày 10/3/2023

Về: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Ngọc Dung.

Bà Trần Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/02/2023 và ngày 10/3/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị X, sinh năm 1962;

- Bị đơn: Ông Hà Quốc K, sinh năm 1962.

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Ngô Thị X có mặt, ông Hà Quốc K vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị X và ông Hà Quốc K chung sống vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/12/1989 tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay lời qua tiếng lại; ông K nghiện rượu, không quan tâm, lo lắng cho vợ con và không chăm lo kinh tế

gia đình. Từ khi kết hôn, vợ chồng làm công nhân ngành đường sắt tại thành phố Đà Nẵng nhưng không thường xuyên chung sống cùng nhau vì lý do công việc; họ chỉ cùng chung sống với nhau trong khoảng thời gian ngắn vào đầu năm 2014 và từ khoảng giữa năm 2014 đến nay, vợ chồng sống mỗi người một nơi, bà X đi lao động tự do tại thành phố Hồ Chí Minh còn ông K sống tại thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn; không ai quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau khi khó khăn, ốm đau, bệnh tật. Nay, bà X thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống được với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông Hà Quốc K.

- Về con chung: Bà X trình bày, bà và ông Hà Quốc K có ba con chung: Hà Thị Ngọc Phụng, sinh ngày 11/6/1990; Hà Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 04/4/1993 và Hà Ngô Quốc Hoàng, sinh ngày 25/02/1996. Bà X cho rằng các con của bà và ông K hiện tại đã thành niên, sống tự lập về kinh tế và có khả năng lao động nên bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Ngô Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà X trình bày hiện nay vợ chồng chị không có các khoản nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Quốc K, là bị đơn trình này: Ông K cho biết ông sinh năm 1962, sinh sống và cư trú tại thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn từ năm 1989 cho đến nay. Đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà X, ông K trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông K thống nhất với những lời trình bày của bà Ngô Thị X về việc đăng ký kết hôn, có con chung và quá trình chung sống không thường xuyên với nhau của ông và bà X. Ông K xác định, vợ chồng ông có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay có tranh cãi, lời qua tiếng lại nhưng ông không có hành vi bạo lực đối với vợ. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Theo ông K, tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng không lớn, vợ chồng chỉ mới không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay nên ông K không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

- Về con chung: Ông K hoàn toàn thống nhất với ý kiến của bà X. Theo ông, các con của ông và bà X hiện nay đều đã thành niên, sống tự lập nên ông không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung trong vụ án này.

- Ông K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên thống nhất đoàn tụ, rút yêu cầu khởi kiện để tiếp tục đời sống chung và cùng chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng các bên không thống nhất đoàn tụ được. Những lần hòa giải tiếp theo, ông K vắng mặt, không tham gia hòa giải nhưng không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Hà Quốc K vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị X về việc ly hôn với ông Hà Quốc K; về con chung, do các con chung của bà X với ông K hiện tại đã thành niên, sống tự lập nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà X, ông K, không xem xét, giải quyết vấn đề con chung của họ trong vụ án. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Quốc K, sinh năm 1962, trú tại thôn ĐB, xã QT, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Theo đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền.

1.2. Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đương sự: Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực hiện việc tổng đạt Quyết định cho các đương sự, theo lời trình bày của bà X và kết quả xác minh của Tòa án, thì ông Hà Quốc K bị bệnh và lúc đó đang điều trị tại Bệnh viện C, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án không tiến hành tổng đạt được Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông K bằng các phương thức tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật vì lý do khách quan và phải hoãn phiên tòa; việc ông K vắng mặt tại phiên tòa lần đó là có lý do chính đáng và không được xác định là vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Những phiên tòa sau vào các ngày 18/01/2023 và ngày 10/02/2023, ông K được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa vào ngày 10/02/2023, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung tài liệu chứng cứ liên quan đến quá trình điều trị bệnh, tình trạng bệnh tật, khả năng nhận thức và năng lực hành vi dân sự của ông K. Và khi phiên tòa được tiếp tục vào ngày 10/3/2023, ông K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Hà Quốc K.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị X và ông Hà Quốc K chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/1989 tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông K là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Các đương sự thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng không thường xuyên chung sống với nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, lời qua tiếng lại. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà X còn cho rằng, bà và ông K chung sống vợ chồng nhưng cuộc sống phần ai nấy biết, không yêu thương, quan tâm, giúp đỡ hay chăm sóc nhau những lúc khó khăn, bệnh tật; năm 2014, khi bà vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống không có trao đổi hay có sự thống nhất của ông K; tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả bà X lẫn ông K đều có vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trong đó, xét về lỗi thì bà X có mức độ lỗi lớn hơn. Điều đó làm ảnh hưởng đến tình nghĩa vợ chồng, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình trạng hôn nhân của bà X và ông K trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không thống nhất đoàn tụ, bà X kiên quyết xin ly hôn ông K nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về quan hệ hôn nhân để bà X được ly hôn ông K.

2.2. Về con chung: Bà Ngô Thị X và ông Hà Quốc K có 03 con chung: Hà Thị Ngọc Phượng, sinh ngày 11/6/1990; Hà Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 04/4/1993 và Hà Ngô Quốc Hoàng, sinh ngày 25/02/1996. Các đương sự trình bày các con của họ hiện tại đã thành niên, sống tự lập về kinh tế và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên không giải quyết vấn đề con chung của bà X và ông K trong vụ án này.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, phân chia tài sản chung của vợ chồng và trình bày hiện nay vợ chồng không có các khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Ngô Thị X. Bà Ngô Thị X được ly hôn với ông Hà Quốc K. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về Án phí: Bà Ngô Thị X có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà X đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003067, ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*Để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND P. Tam Thuận, Q. Thanh Khê, tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc